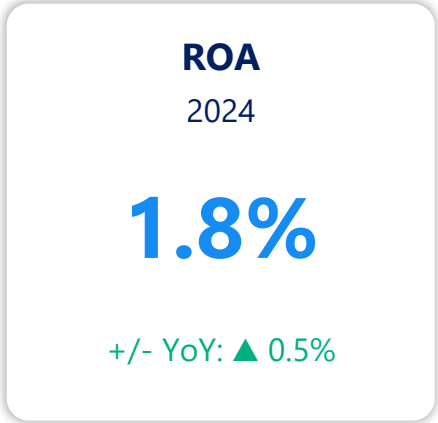
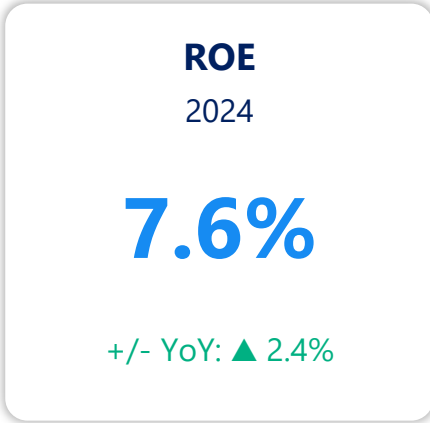
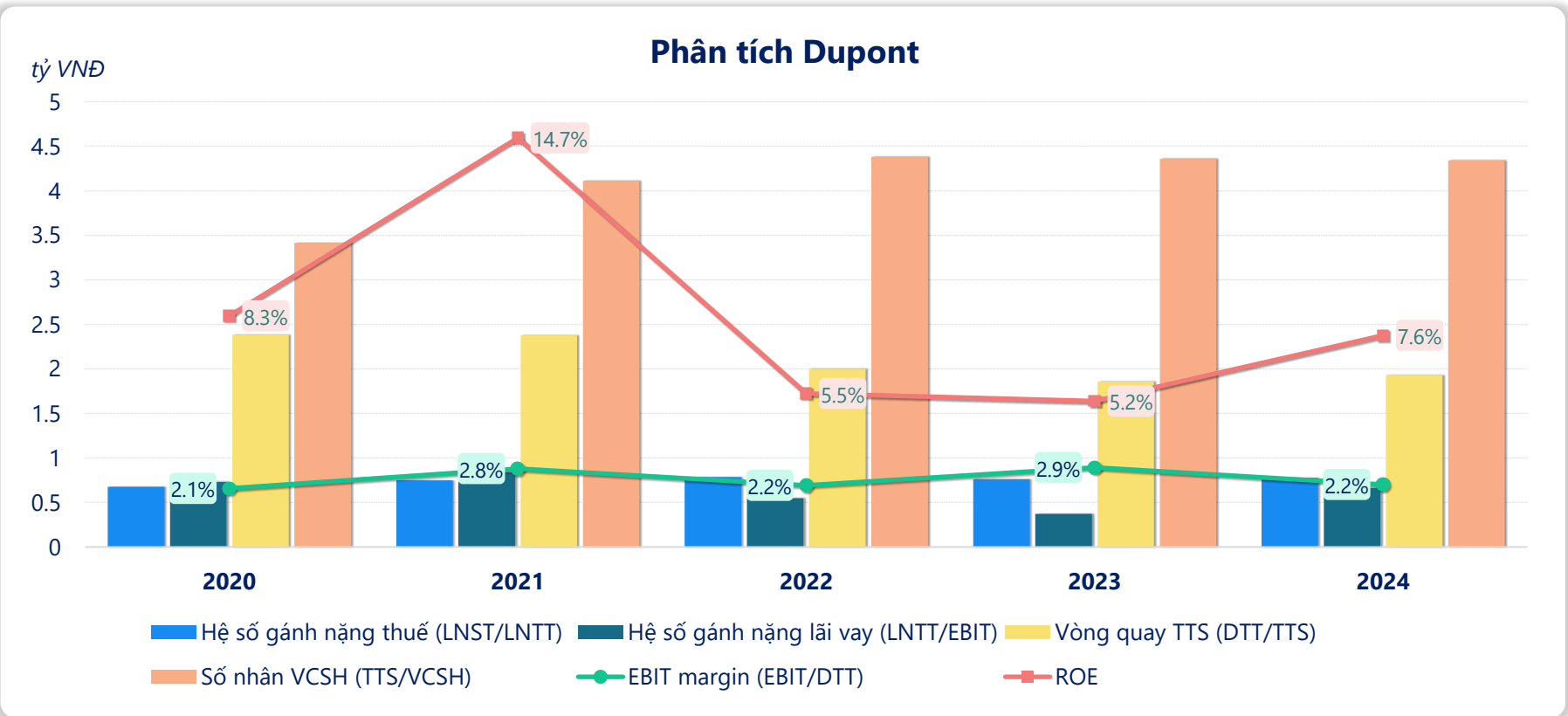
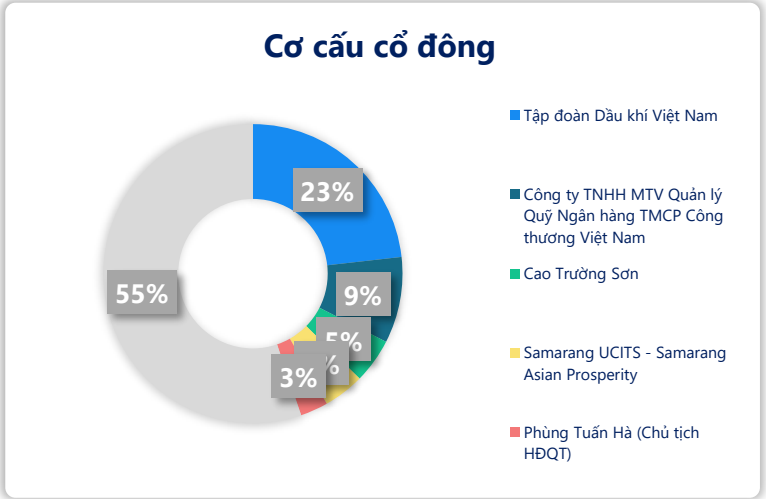


Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (HSX: PET)

Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

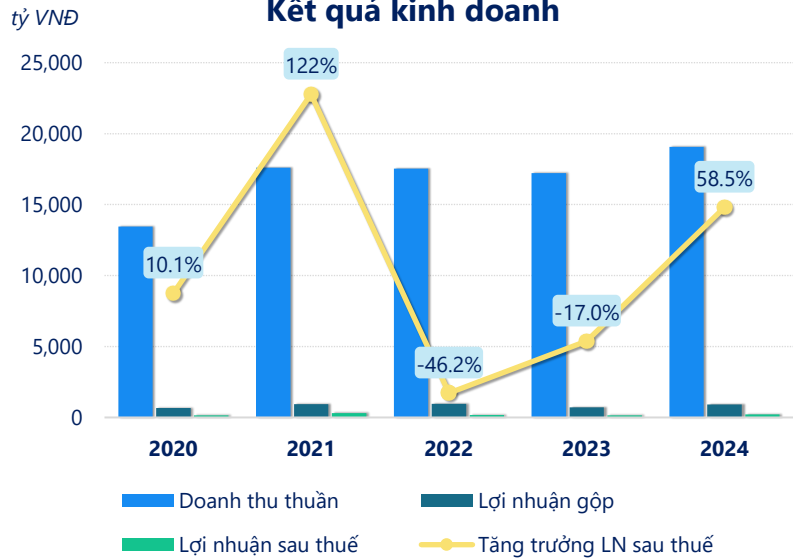
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		25,150
Sàn giao dịch		HSX
Khoảng giá 52 tuần		23,000 - 31,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,684
Số lượng CPLH (CP)		106,722,131
KLGD BQ 20 phiên (CP)		725,690
Sở hữu nước ngoài		0.9%
Beta		1.83
EPS		1,619
P/E		15.5

	YTD	1T	3T	6T
PET		1.0%	-2.9%	-11.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%



Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (HSX: PET)

Kết quả kinh doanh

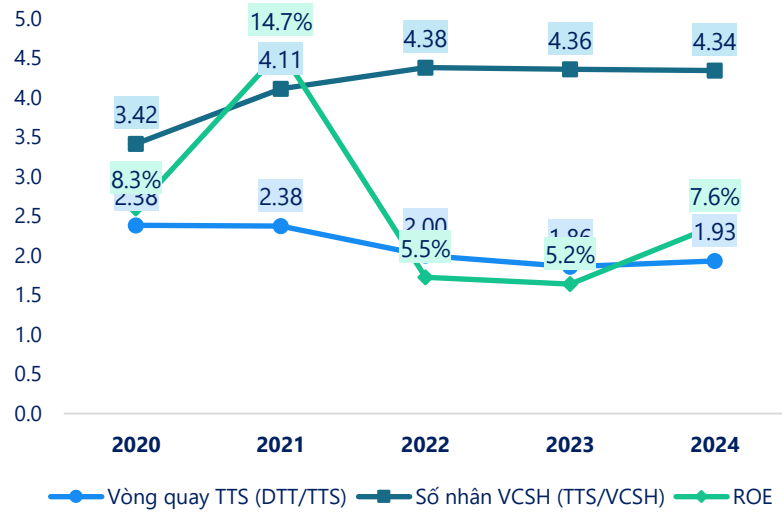


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **giảm xuống** còn **2.25%**, phản ánh mức độ suy giảm trong hiệu suất hoạt động của công ty.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.78**, **tăng** so với năm trước thường phản ánh việc giảm đi gánh nặng thuế và các chi phí thuế khác.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.66**, **tăng** hơn so với năm trước thường phản ánh việc công ty đang chi trả chi phí lãi vay ít đi so với lợi nhuận trước thuế.

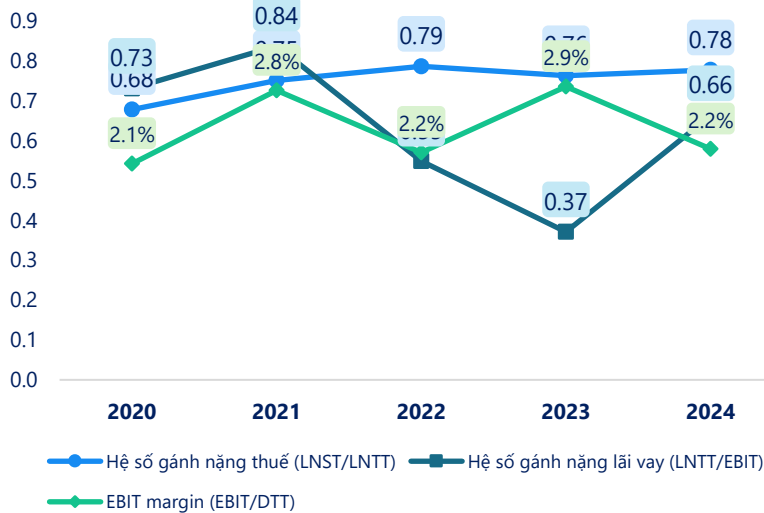
Vòng quay tài sản và ROE



Năm **2024**, **PET** ghi nhận doanh thu thuần **19,061** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **220.3** tỷ đồng, lần lượt **tăng 10.7%** và **tăng 58.5%** so với năm trước.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **7.60%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

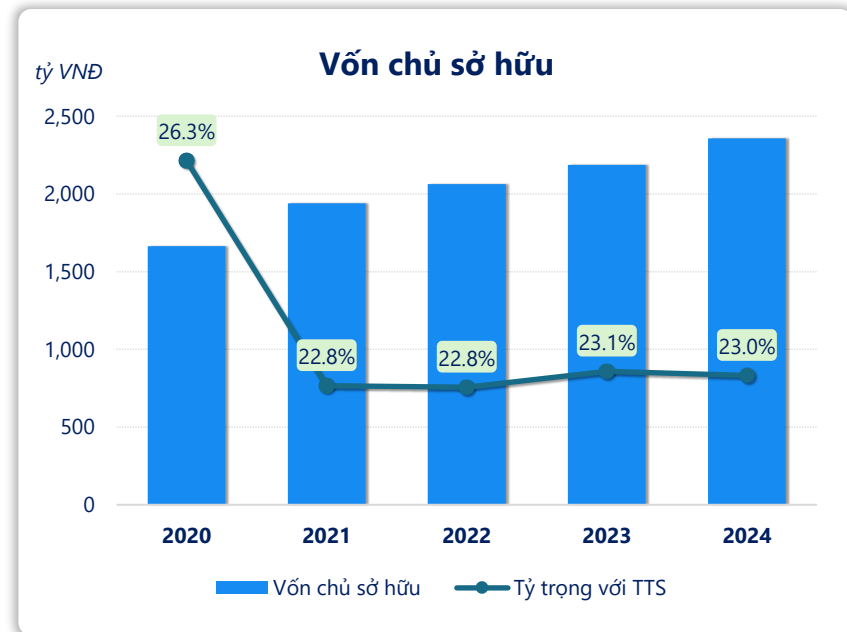
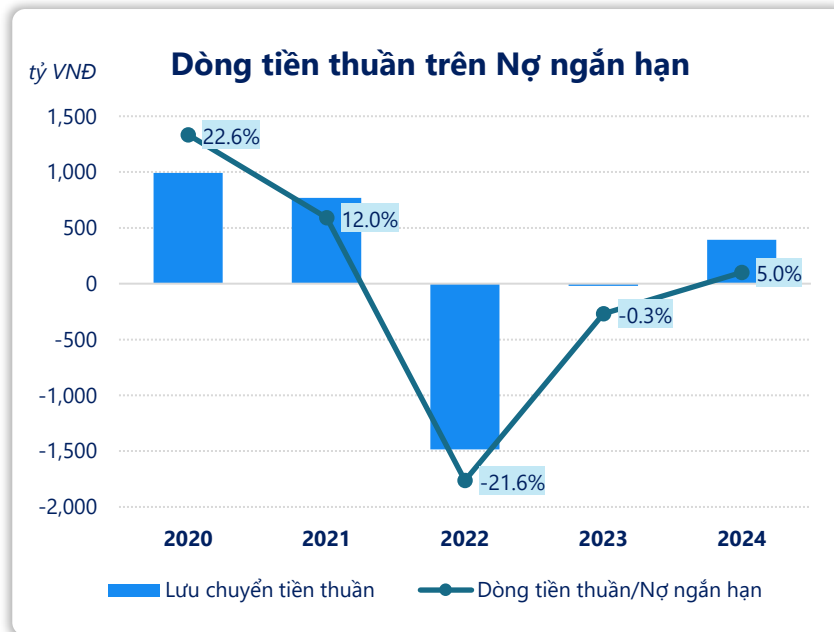
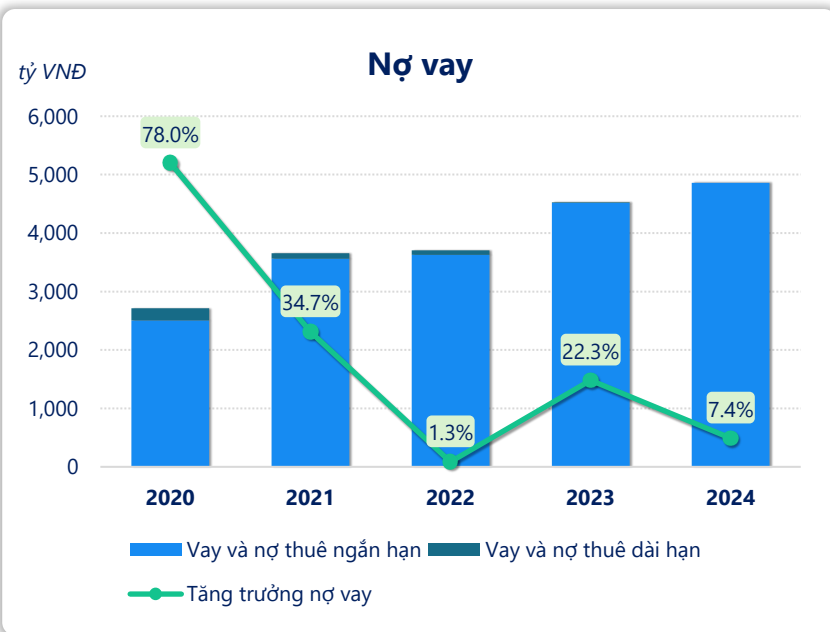
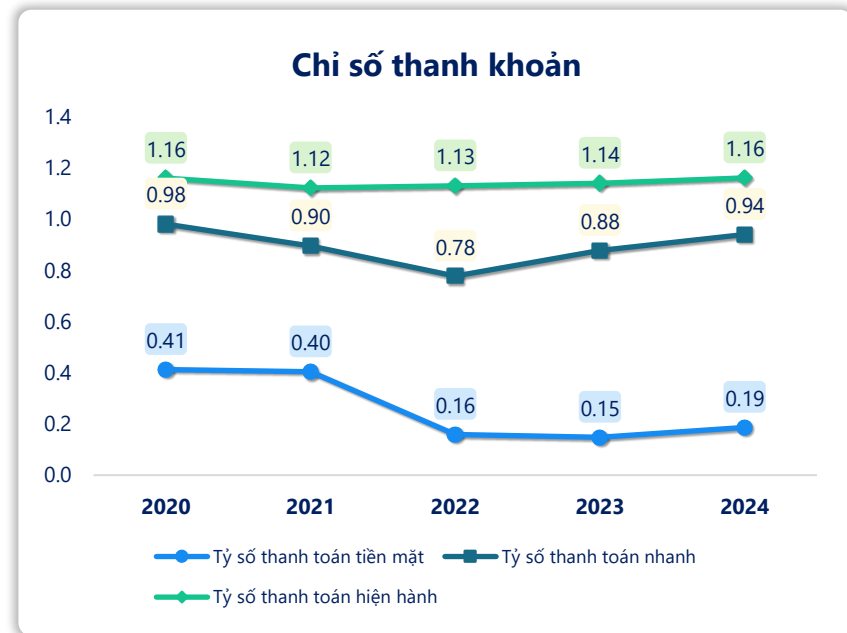
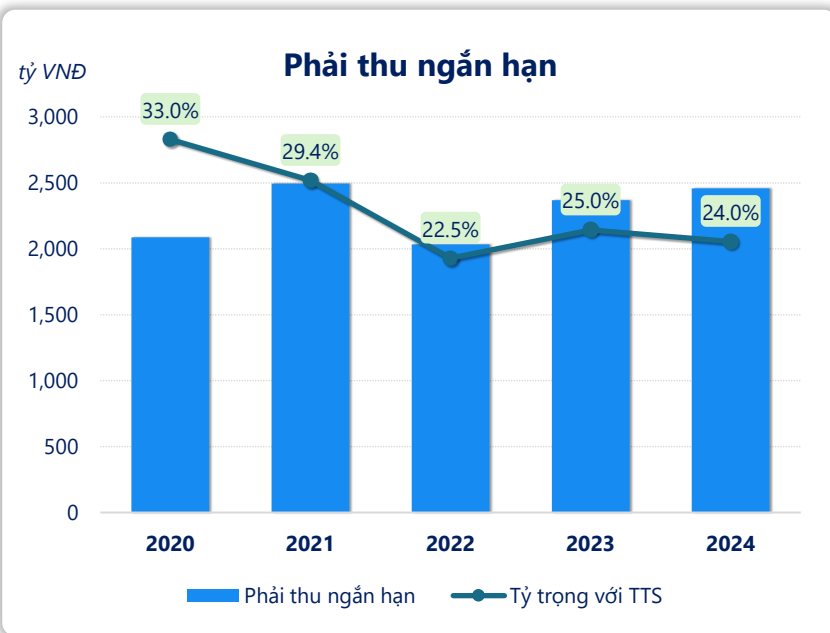


Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **1.93**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **4.34** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (HSX: PET)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	10,254	9,479	8.2%
Tài sản ngắn hạn	9,110	8,259	10.3%
Tiền và tương đương tiền	1,466	1,072	36.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,156	2,597	21.5%
Phải thu ngắn hạn	2,459	2,369	3.8%
Hàng tồn kho	1,735	1,902	-8.8%
Tài sản ngắn hạn khác	295	318	-7.5%
Tài sản dài hạn	1,144	1,220	-6.2%
Phải thu dài hạn	31.3	28.2	11.0%
Tài sản cố định	268	266	0.7%
Bất động sản đầu tư	514	554	-7.2%
Tài sản dở dang	37.5	38.5	-2.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	89.8	114	-21.5%
Tài sản dài hạn khác	204	215	-5.2%
Lợi thế thương mại	0	4.59	-100%
Nợ phải trả	7,896	7,293	8.3%
Nợ ngắn hạn	7,843	7,241	8.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,860	4,516	7.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,871	1,454	28.7%
Nợ dài hạn	53.4	52.5	1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	10.9	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,358	2,186	7.9%
Vốn chủ sở hữu	2,358	2,186	7.9%
Vốn điều lệ	1,073	1,073	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	13,453	17,598	17,543	17,218	19,061
Giá vốn hàng bán	12,784	16,659	16,576	16,495	18,156
Lợi nhuận gộp	669	939	967	722	905
Doanh thu HĐTC	48.6	108	185	303	183
Chi phí TC	83.7	98.5	450	322	171
Chi phí lãi vay	76.4	81.1	176	310	145
LN trong công ty LKLD	-0.70	-0.61	-5.66	-3.36	-8.40
Chi phí bán hàng	232	285	336	336	422
Chi phí QLDN	202	271	147	194	222
LN thuần từ HĐKD	199	391	213	169	266
Lợi nhuận khác	8.27	23.9	0.17	13.4	17.2
LN trước thuế	207	415	213	182	284
Lợi nhuận sau thuế	140	311	167	139	220
LNST của CĐ cty mẹ	137	265	110	111	173

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-40.5	-151	-168	-300	487
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-46.9	-12.0	-1,572	-552	-410
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,079	930	256	831	316
Tiền đầu kỳ	816	1,808	2,576	1,093	1,072
Lưu chuyển tiền thuần	992	767	-1,484	-20.3	394
Ảnh hưởng tỷ giá	0.12	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,808	2,575	1,093	1,072	1,466